

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 1101 G

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Thành tựu nào sau đây là thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi?

A. Công nghệ cấy truyền phôi.

B. Công nghệ thụ tinh nhân tạo.

C. Công nghệ vi sinh.

D. Công nghệ vắt sữa bò tự động.

Câu 2. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi ...(1)...., cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người. Nội dung phù hợp trong chỗ trống (1) là

A. khác loài.

B. có số lượng lớn.

C. cùng loài.

D. phân bố rộng.

Câu 3. “Chọn những gà trống to, khỏe mạnh trong đàn để làm giống”. Đây là phương pháp chọn giống vật nuôi nào?

A. Chọn lọc hàng loạt.

B. Chọn lọc cá thể.

C. Chọn lọc đời sau.

D. Chọn lọc tự nhiên.

Câu 4. Ứng dụng công nghệ sinh học nào sau đây **không** có trong chọn và nhân giống vật nuôi?

A. Thụ tinh trong ống nghiệm.

B. Nhân bản vô tính.

C. Công nghệ cấy truyền phôi.

D. Chỉ thị phân tử.

Câu 5. Lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm được gọi là

A. tiêu chuẩn ăn.

B. khẩu phần ăn.

C. nhu cầu dinh dưỡng.

D. nhu cầu duy trì.

Câu 6. Ví dụ nào dưới đây thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi?

A. Năng lượng 7000 Kcal.

B. P 11 g, protein 308 g.

C. Cám gạo 1,5kg, bột cá 0,1 kg.

D. Fe 13 g, NaCl 43 g.

Câu 7. Chế biến thức ăn chăn nuôi nhờ công nghệ vi sinh có tác dụng gì?

A. Khử các chất độc có trong thức ăn.

B. Tăng hàm lượng protein trong thức ăn.

C. Xác định khẩu phần ăn của vật nuôi.

D. Cung cấp chất khoáng cho vật nuôi.

Câu 8. Cho các bước chế biến thức ăn chăn nuôi dạng viên bằng dây chuyền tự động như sau:

1.Sấy khô. 2. Nghiền nguyên liệu. 3. Ép viên. 4. Đóng bao. 5. Phối trộn nguyên liệu.

Trình tự các bước là

A. 1,5,3,2,4.

B. 1,2,3,5,4.

C. 2,5,3,1,4.

D. 2,5,1,3,4.

Câu 9. Phương pháp nào sau đây ít được sử dụng trong bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Bảo quản bằng đóng bao trong kho.

B. Bảo quản bằng phương pháp làm khô.

C. Bảo quản bằng kho silo.

D. Bảo quản trong kho lạnh.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là ưu điểm của bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho silo?

A. Thời gian bảo quản ngắn, ít tổn kém.

B. Sức chứa nhỏ, tiết kiệm diện tích.

C. Ngăn chặn được sự phá hoại của động vật.

D. Chi phí đầu tư cao, tự động hóa.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **sai** khi nói về vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi?

A. Bảo vệ vật nuôi.

B. Chọn, tạo giống mới kháng bệnh.

C. Bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

D. Nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

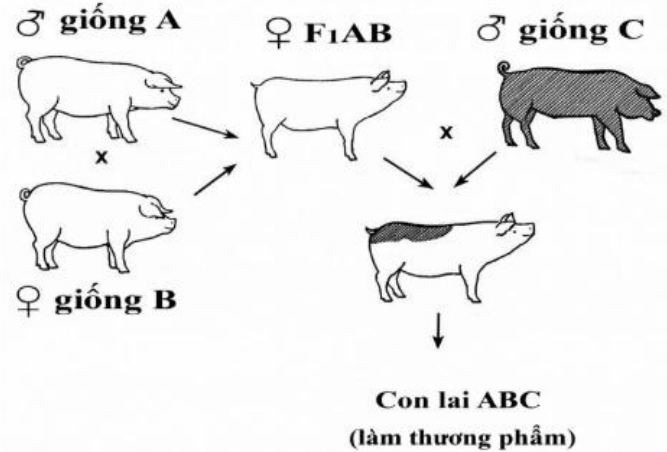
Câu 12. Nội dung nào sau đây **sai** khi nói về biện pháp phòng, trị các loại bệnh phổ biến ở lợn (bệnh dịch tả lợn cổ điển, bệnh tai xanh và bệnh tụ huyết trùng)?

- A. Giữ chuồng trại khô thoáng, lưu thông khí. B. Vệ sinh sát trùng định kì.
C. Tiêm vaccine đầy đủ theo khuyến cáo. D. Sử dụng thuốc kháng sinh để trị bệnh.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Hình bên mô tả một trong các phương pháp lai giống vật nuôi.

- a) Đây là phương pháp lai kinh tế đơn giản.
b) Mục đích của phương pháp lai này là giúp bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.
c) Con lai ABC dùng vào mục đích thương phẩm, có thể làm giống và khai thác ưu thế lai ở đời con.
d) Ở nước ta, ứng dụng phổ biến của phương pháp này là dùng vật nuôi đực giống của các giống cao sản nhập nội cho lai với vật nuôi cái thuộc giống địa phương.



Câu 2. Một nhóm học sinh thảo luận về thành phần dinh dưỡng, vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi, có một số nhận định sau:

- a) Thành phần dinh dưỡng của thức ăn chăn nuôi chứa nước và chất khô.
b) Nhóm chất hữu cơ trong chất khô gồm protein, lipid, carbohydrate, vitamin và chất khoáng.
c) Điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể đây là vai trò của nhóm thức ăn giàu khoáng.
d) Thức ăn giàu năng lượng có thể dùng trong chăn nuôi ở địa phương là thóc, ngô, lạc, giun.

Câu 3. Học sinh được tổ chức tham gia hoạt động trải nghiệm thăm quan mô hình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại địa phương.

Mô hình 1: Phương pháp sản xuất thức ăn truyền thống.

Mô hình 2: Phương pháp sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

Những nhận xét sau đây của một bạn học sinh trong bài báo cáo là đúng hay sai?

- a) Mô hình 1 có chi phí đầu tư thấp và phương pháp sản xuất thức ăn đơn giản, dễ thực hiện.
b) Mô hình 2 thích hợp để cung cấp thức ăn trong chăn nuôi công nghiệp.
c) Mô hình 2 có hai dạng thức ăn phổ biến là dạng bột, dạng viên và quy trình sản xuất thức ăn có 6 bước.
d) Chăn nuôi lợn với số lượng ít ở các hộ tại địa phương thường áp dụng mô hình 2.

Câu 4. Khi nghiên cứu về bệnh tai xanh ở lợn, một nhóm học sinh đã đưa ra các nhận định sau:

- a) Bệnh do Arterivirus thuộc họ Arteriviridae có vật chất di truyền là DNA gây ra.
b) Bệnh có thể lây trực tiếp thông qua sự tiếp xúc giữa lợn ốm, lợn mang virus với lợn khỏe.
c) Để phòng bệnh nên vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng vaccine đầy đủ theo lịch khuyến cáo.
d) Để trị bệnh nên tắm cho lợn và có thể dùng thuốc hạ sốt, thuốc kháng sinh để điều trị.

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Nếu muốn nuôi gà với mục đích nâng cao chất lượng thịt (thơm, ngon, săn chắc), theo em phương thức chăn nuôi nào phù hợp và giải thích?

Câu 2 (1 điểm): Bảo quản thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích gì? Đề xuất phương pháp bảo quản một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương em.

Câu 3 (1 điểm): Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

----- HẾT -----

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 1102 G

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Thành tựu nào sau đây là thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong công tác giống vật nuôi?

- A. Công nghệ cấy truyền phôi. B. Công nghệ cho ăn thông minh.
C. Công nghệ vi sinh. D. Công nghệ vắt sữa bò tự động.

Câu 2. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài,(1)....., có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người. Nội dung phù hợp trong chỗ trống (1) là

- A. cùng nguồn gốc. B. có số lượng lớn. C. khác nguồn gốc. D. phân bố rộng.

Câu 3. “Chọn những gà trống to, khỏe mạnh trong đàn để làm giống”. Đây là phương pháp chọn giống vật nuôi nào?

- A. Chọn lọc cá thể. B. Chọn lọc hàng loạt. C. Chọn lọc đời sau. D. Chọn lọc tự nhiên.

Câu 4. Thụ tinh trong ống nghiệm **không** có bước nào dưới đây?

- A. Hút tế bào trứng từ buồng trứng. B. Nuôi để trứng phát triển và chín.
C. Thụ tinh nhân tạo. D. Tách chiết DNA của mẫu phôi.

Câu 5. Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

- A. loại thức ăn. B. chỉ số dinh dưỡng.
C. thức ăn tinh, thô. D. chất xơ, amino acid.

Câu 6. Ví dụ nào dưới đây thể hiện tiêu chuẩn ăn của vật nuôi?

- A. Năng lượng 7000 Kcal. B. Khô dầu lạc 0,2 kg, P 11 g.
C. Cám gạo 1,5kg, bột cá 0,1 kg. D. Ngô 0,45 kg, NaCl 43 g.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là ứng dụng công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi ?

- A. Cắt ngắn, nấu chín, nghiền. B. Đường hóa, xử lý kiềm.
C. Công nghệ vi sinh. D. Nén chặt, ủ chua thức ăn.

Câu 8. Cho các bước chế biến thức ăn chăn nuôi dạng viên bằng dây chuyền tự động như sau:

1. Nghiền nguyên liệu. 2. Sấy khô. 3. Ép viên. 4. Đóng bao. 5. Phối trộn nguyên liệu.

Trình tự các bước là

- A. 1,5,3,2,4. B. 1,2,3,5,4. C. 1,5,2,3,4. D. 2,5,3,1,4.

Câu 9. Phương pháp nào sau đây ít được sử dụng trong bảo quản thức ăn chăn nuôi?

- A. Bảo quản bằng đóng bao trong kho. B. Bảo quản bằng phương pháp làm khô.
C. Bảo quản bằng kho silo. D. Bảo quản trong kho lạnh.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là nhược điểm của bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho silo?

- A. Tiết kiệm chi phí lao động. B. Tự động hóa trong nhập, xuất kho.
C. Chi phí đầu tư cao. D. Tiết kiệm được diện tích.

Câu 11. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vai trò bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trong phòng, trị bệnh?

- A. Vật nuôi chậm lớn, giảm năng suất. B. Tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi.
C. Hạn chế dịch bệnh bùng phát. D. Quyết định năng suất chăn nuôi.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **sai** khi nói về biện pháp phòng, trị các loại bệnh phổ biến ở lợn (bệnh dịch tả lợn cổ điển, bệnh tai xanh và bệnh tụ huyết trùng)?

A. Giữ chuồng trại khô thoáng.

B. Tiêm vaccine đầy đủ theo khuyến cáo.

C. Vệ sinh sát trùng định kì.

D. Sử dụng thuốc kháng sinh để trị bệnh.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Học sinh được tổ chức tham gia hoạt động trải nghiệm thăm quan mô hình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại địa phương.

Mô hình 1: Phương pháp sản xuất thức ăn truyền thống.

Mô hình 2: Phương pháp sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

Những nhận xét sau đây của một bạn học sinh trong bài báo cáo là đúng hay sai?

a) Mô hình 1 có chi phí đầu tư cao và nguồn nguyên liệu gồm các sản phẩm trồng trọt.

b) Chăn nuôi lợn với số lượng ít ở các hộ tại địa phương thường áp dụng mô hình 1.

c) Ở mô hình 2 quy trình sản xuất thức ăn dạng bột có 4 bước và dạng viên có 6 bước.

d) Loại thức ăn trong mô hình 2 đảm bảo đáp ứng đầy đủ và hợp lý nhu cầu dinh dưỡng của từng loại vật nuôi.

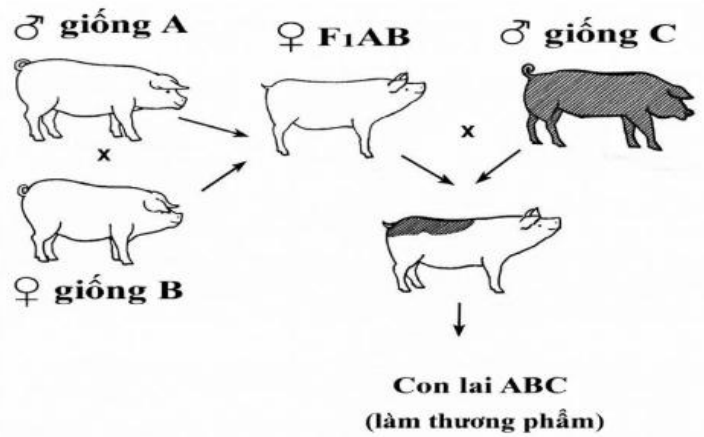
Câu 2. Hình bên mô tả một trong các phương pháp lai giống vật nuôi.

a) Đây là phương pháp lai cải tạo.

b) Mục đích của phương pháp lai này là giúp bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.

c) Con lai ABC dùng làm thương phẩm, không để làm giống.

d) Ở nước ta, ứng dụng phổ biến của phương pháp này là dùng vật nuôi đực giống của các giống cao sản nhập nội cho lai với vật nuôi cái thuộc giống địa phương.



Câu 3. Khi nghiên cứu bệnh tụ huyết trùng ở lợn, một nhóm học sinh đã đưa ra các nhận định sau:

a) Bệnh do vi khuẩn Gram âm có tên là *Pasteurella multocida* gây ra.

b) Bệnh này chưa có thuốc đặc trị nên bệnh pháp chủ yếu là phòng bệnh.

c) Bệnh trên lây qua tiếp xúc trực tiếp, qua thức ăn, nước uống và vật trung gian bị nhiễm virus.

d) Bệnh bùng phát khi thời tiết thay đổi nên định kì cần bổ sung các sản phẩm có tác dụng tăng cường sức đề kháng.

Câu 4. Một nhóm học sinh thảo luận về thành phần dinh dưỡng, vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi, có một số nhận định sau:

a) Thành phần dinh dưỡng của thức ăn chăn nuôi chứa nước, chất khô và chất vô cơ.

b) Nhóm chất hữu cơ trong chất khô gồm có protein, lipid, carbohydrate và vitamin.

c) Điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể đây là vai trò của nhóm thức ăn giàu protein.

d) Thức ăn giàu vitamin có thể dùng trong chăn nuôi ở địa phương là các loại rau, cỏ, lá cây.

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Nếu muốn nuôi vịt với mục đích nâng cao chất lượng thịt (thơm, ngon, săn chắc), theo em phương thức chăn nuôi nào phù hợp và giải thích?

Câu 2 (1 điểm): Bảo quản thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích gì? Đề xuất phương pháp bảo quản một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương em.

Câu 3 (1 điểm): Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

----- HẾT -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm) **(3 điểm)**

Mã đề Câu	1101	1102
1	D	A
2	C	A
3	A	B
4	B	D
5	C	B
6	C	A
7	B	C
8	C	A
9	D	D
10	C	C
11	B	C
12	D	D

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. HS trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai. **(4 điểm)** Mỗi ý đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án Đề 1101	a) Sai	a) Đúng	a) Đúng	a) Sai
	b) Sai	b) Sai	b) Đúng	b) Đúng
	c) Sai	c) Sai	c) Sai	c) Đúng
	d) Đúng	d Sai	d) Sai	d) Sai

Câu	1	2	3	4
Đề 1102	a) Sai	a) Sai	a) Đúng	a) Sai
	b) Đúng	b) Sai	b) Sai	b Đúng
	c) Đúng	c) Đúng	c) Sai	c) Sai
	d) Đúng	d) Đúng	d) Đúng	d) Đúng

PHẦN II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1 điểm): Nếu muốn nuôi gà (vịt) với mục đích nâng cao chất lượng thịt (thơm, ngon, săn chắc), theo em phương thức chăn nuôi nào phù hợp và giải thích?

-Phương thức chăn nuôi phù hợp có thể là: Chăn thả tự do **(0,5 điểm)**

- Giải thích:

+ Gà (vịt) được vận động nhiều, thịt sẽ chắc. **(0,25 điểm)**

+ Gà (vịt) tự kiếm ăn bằng nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có, thức ăn đa dạng, phong phú nên thịt gà sẽ thơm ngon. **(0,25 điểm)**

HS có thể chọn phương thức chăn nuôi khác nếu hợp lí thì cho điểm tối đa.

Câu 2 (1 điểm): Bảo quản thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích gì? Đề xuất phương pháp bảo quản một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương em.

-Mục đích ngăn chặn hoặc làm chậm quá trình giảm chất lượng **(0,25 điểm)** hoặc hư hỏng thức ăn trong khoảng thời gian nhất định. **(0,25 điểm)**.

-Bảo quản thức ăn bằng phương pháp làm khô đối với rơm, rạ. **(0,5 điểm)**

HS có thể chọn phương pháp bảo quản khác nếu hợp lí thì cho điểm tối đa.

Câu 3 (1 điểm): Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

-Chuồng trại được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt mầm bệnh.

-Dụng cụ được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng.

-Con giống đảm bảo chất lượng, không mang mầm bệnh.

-Thức ăn đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, nước uống sạch.

-Vật nuôi khỏe mạnh, không mang mầm bệnh truyền nhiễm. tiêm vaccine đầy đủ

Mỗi ý **0.25 điểm**, học sinh trả lời đủ 4 ý hợp lí cho điểm tối đa

-----**Hết**-----